

V/v: Giải trình chênh lệch số liệu BCTC năm 2014
trước và sau kiểm toán

Hà Nam, ngày 18 tháng 03 năm 2015

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH
- QUÝ CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ thông tư số 52/2012/TT-BTC ban hành ngày 05/04/2012 của Bộ tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ vào số liệu trên Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần Khoáng sản **FECON** trước và sau kiểm toán (Mã chứng khoán: FCM).

Công ty Cổ phần Khoáng sản **FECON** xin giải trình số liệu chênh lệch trước và sau kiểm toán như sau:

I. Đối với Báo cáo tài chính Công ty mẹ

1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Mã số	Số liệu Báo cáo trước kiểm toán	Số liệu Báo cáo kiểm toán	Chênh lệch
1	Phải thu khách hàng	131	348.568.999.400	313.531.242.820	(35.037.756.580)
2	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	35.037.756.580	35.037.756.580
3	Các khoản phải thu khác	135	171.469.105	3.305.290.205	3.133.821.100
4	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	1.665.101.226	2.836.317.543	1.171.216.317
5	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	3.133.821.100	-	(3.133.821.100)
6	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	-	(5.323.710.528)	(5.323.710.528)
	Cộng Tài sản		852.353.937.189	848.201.442.978	(4.152.494.211)
7	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	27.640.109.749	23.487.615.537	(4.152.494.212)
	Cộng Nguồn Vốn		852.353.937.189	848.201.442.978	(4.152.494.211)

Nguyên nhân có sự chênh lệch này là do điều chỉnh các khoản sau:

1. Công ty hạch toán khoản phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng số tiền 35.037.756.580 đồng vào TK 131 “Phải thu khách hàng”, tuy nhiên căn cứ vào các hợp đồng thi công để phù hợp với bản chất nghiệp vụ kinh tế phát sinh, Công ty và Công ty kiểm toán đã thống nhất điều chỉnh từ TK 131 “Phải thu khách hàng” sang TK 337 “Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng”.

2. Công ty hạch toán khoản đầu tư còn lại tại Công ty TNHH đầu tư FECON tương ứng 3.133.821.100 đồng trên TK 241 “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang”, nhưng do trong năm Công ty TNHH đầu tư FECON đã chính thức giải thể và xóa tên doanh nghiệp. Do đó, Công ty và Công ty kiểm toán đã thống nhất điều chỉnh

khoản đầu tư còn lại tại Công ty TNHH đầu tư FECON từ TK 241 “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” sang TK 138 “Phải thu khác”

3. Trích lập thêm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty con. Do đó, đã làm tăng chỉ tiêu “Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn” số tiền 5.323.710.528 đồng.

4. Công ty điều chỉnh khoản “Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn” vào chi phí tài chính, vì vậy làm lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm tương ứng với 4.152.494.212 đồng và chỉ tiêu “Thuế và các khoản phải thu Nhà nước” tăng 1.171.216.317 đồng.

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014:

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Mã số	Số liệu Báo cáo trước kiểm toán	Số liệu Báo cáo kiểm toán	Chênh lệch
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	487.775.914.142	487.775.914.142	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	791.948.260	791.948.260	-
Doanh thu thuần về bán hàng	10	486.983.965.882	486.983.965.882	-
Giá vốn hàng bán	11	349.516.026.694	349.516.026.694	-
Lợi nhuận gộp về bán hàng	20	137.467.939.188	137.467.939.188	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	510.427.889	510.427.889	-
Chi phí tài chính	22	19.991.099.489	25.314.810.017	5.323.710.528
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	<i>18.080.335.968</i>	<i>18.072.104.928</i>	<i>(8.231.040)</i>
Chi phí bán hàng	24	79.258.358.460	79.258.358.460	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	10.734.193.248	10.734.193.248	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	27.994.715.880	22.671.005.351	(5.323.710.529)
Thu nhập khác	31	843.663.968	843.663.968	-
Chi phí khác	32	525.427.713	525.427.713	-
Lợi nhuận khác	40	318.236.255	318.236.255	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	28.312.952.135	22.989.241.606	(5.323.710.529)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.294.538.744	5.123.322.427	(1.171.216.317)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	22.018.413.391	17.865.919.179	(4.152.494.212)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	669	543	(126)

Nguyên nhân có sự chênh lệch trên là do điều chỉnh trích lập bổ sung dự phòng đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty con như đã thuyết minh ở trên.

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu Báo cáo trước kiểm toán	Số liệu Báo cáo kiểm toán	Chênh lệch
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	28.312.952.135	22.989.241.606	(5.323.710.529)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
-Khấu hao tài sản cố định	02	30.906.217.978	30.906.217.978	-
-Các khoản dự phòng	03	-	5.323.710.528	5.323.710.528
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.905.315.282	1.905.315.282	-
-Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.110.931.264)	(1.110.931.264)	-
-Chi phí lãi vay	06	18.080.335.968	18.080.335.968	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	78.093.890.099	78.093.890.099	-

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu Báo cáo trước kiểm toán	Số liệu Báo cáo kiểm toán	Chênh lệch
-Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(106.557.242.525)	(106.557.242.525)	-
-Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(131.843.319.846)	(131.843.319.846)	-
-Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	110.351.894.026	110.351.894.026	-
-Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.997.348.839	2.997.348.839	-
-Tiền lãi vay đã trả	13	(18.080.335.968)	(18.080.335.968)	-
-Thuế TNDN đã nộp	14	(16.189.286.854)	(16.189.286.854)	-
-Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	308.030.001	308.030.001	-
-Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(4.370.762.527)	(4.370.762.527)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(85.289.784.755)	(85.289.784.755)	-
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(7.710.650.513)	(7.710.650.513)	-
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	784.241.136	784.241.136	-
5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(65.817.800.000)	(65.817.800.000)	-
6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3.900.000.000	3.900.000.000	-
7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	504.979.650	504.979.650	-
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	(68.339.229.727)	(68.339.229.727)	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	140.126.354.545	140.126.354.545	-
3.Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	317.316.137.395	317.316.137.395	-
4.Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(274.013.116.471)	(274.013.116.471)	-
5.Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(2.338.517.244)	(2.338.517.244)	-
6.Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.080.000.000)	(16.080.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	165.010.858.225	165.010.858.225	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	11.381.843.743	11.381.843.743	-
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.664.791.413	5.664.791.413	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	17.046.635.156	17.046.635.156	-

Nguyên nhân có sự chênh lệch trên là do điều chỉnh trích lập bổ sung dự phòng đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty con như đã thuyết minh ở trên.

II. Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014

1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014:

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Mã số	Số liệu Báo cáo trước kiểm toán	Số liệu Báo cáo kiểm toán	Chênh lệch
Tiền	111	26.661.643.426	26.661.643.336	-90
Phải thu khách hàng	131	351.126.835.171	315.809.154.991	(35.317.680.180)
Trả trước cho người bán	132	6.521.716.664	8.419.883.065	1.898.166.401
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	35.037.756.580	35.037.756.580
Các khoản phải thu khác	135	9.358.589.162	12.491.310.352	3.132.721.190
Hàng tồn kho	141	220.081.098.037	220.080.498.037	(600.000)
Thuế GTGT được khấu trừ	152	17.649.630.458	17.646.800.402	(2.830.056)
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	1.665.101.226	2.868.578.268	1.203.477.042
Tài sản cố định hữu hình	221	228.215.558.043	228.224.838.697	9.280.654
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	26.572.963.821	23.439.142.721	(3.133.821.100)
Lợi thế thương mại	269	195.000.000	188.500.000	(6.500.000)
Cộng Tài sản		958.182.941.001	961.002.911.442	2.819.970.441
Phải trả người bán	312	118.953.936.508	120.572.179.309	1.618.242.801
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.035.860.918	4.065.291.587	29.430.669
Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	1.722.837.807	2.849.750.726	1.126.912.919
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	542.622.962	540.581.219	(2.041.743)
Quỹ đầu tư phát triển	417	3.891.654.710	4.267.859.016	376.204.306
Quỹ dự phòng tài chính	418	3.732.950.841	4.109.155.147	376.204.306
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	23.119.522.113	23.293.237.088	173.714.975
Lợi ích của cổ đông thiểu số	439	70.403.181.051	69.524.483.259	(878.697.792)
Cộng Nguồn Vốn		958.182.941.001	961.002.911.442	2.819.970.441

Nguyên nhân có sự chênh lệch này là do điều chỉnh các khoản sau:

Mã số 131: Chỉ tiêu “Phải thu khách hàng” và Chỉ tiêu “Phải thu theo tiến độ hợp đồng” của Công ty mẹ điều chỉnh nên chỉ tiêu “Phải thu khách hàng” và chỉ tiêu “Phải thu theo tiến độ hợp đồng” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng điều chỉnh tương ứng;

Mã số 132: Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty TNHH cơ khí chế tạo và bê tông FECON Nghi Sơn chưa tiến hành bù trừ khoản công nợ phải thu, phải trả theo chuẩn mực kế toán. Công ty và Công ty kiểm toán đã thống nhất điều chỉnh chỉ tiêu này trên bảng cân đối kế toán;

Mã số 135 & Mã số 230: Điều chỉnh khoản đầu tư còn lại tại Công ty TNHH đầu tư FECON từ TK 241 “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” sang TK 138 “Phải thu khác” như đã thuyết minh chênh lệch trên báo cáo của Công ty mẹ.

Mã số 141: Điều chỉnh tăng giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả kinh doanh nên giá trị hàng tồn kho trên bảng cân đối kế toán của Công ty cổ phần FECON Nghi Sơn cũng giảm tương ứng.

Các chỉ tiêu quỹ và chỉ tiêu thuộc vốn chủ sở hữu thay đổi do Công ty TNHH cơ khí chế tạo và bê tông FECON và Công ty kiểm toán thống nhất trích quỹ theo luật định.

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014:

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Mã số	Số liệu Báo cáo trước kiểm toán	Số liệu Báo cáo kiểm toán	Chênh lệch
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	486.813.587.482	486.508.587.482	-305.000.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	791.948.260	791.948.260	-
Doanh thu thuần về bán hàng	10	486.021.639.222	485.716.639.222	-305.000.000
Giá vốn hàng bán	11	320.408.486.888	320.403.486.888	-5.000.000
Lợi nhuận gộp về bán hàng	20	165.613.152.334	165.313.152.334	-300.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính	21	628.486.784	633.634.930	5.148.146
Chi phí tài chính	22	22.713.005.579	22.713.005.579	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>	<i>20.583.378.360</i>	<i>20.583.378.360</i>	-
Chi phí bán hàng	24	89.898.970.230	89.589.727.913	-309.242.317
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20.873.655.809	20.815.992.113	-57.663.696
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	32.756.007.500	32.828.061.659	72.054.159
Thu nhập khác	31	39.867.875.467	39.867.875.467	-
Chi phí khác	32	40.152.725.400	40.152.725.400	-
Lợi nhuận khác	40	-284.849.933	-284.849.933	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	32.471.157.567	32.543.211.726	72.054.159
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.294.538.744	5.123.322.427	-1.171.216.317
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	542.622.962	540.581.219	-2.041.743
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	25.633.995.861	26.879.308.080	1.245.312.219
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61	2.281.450.581	2.315.048.231	33.597.650
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62	23.352.545.280	24.564.259.849	1.211.714.569
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	710	747	37

Nguyên nhân có sự chênh lệch này là do điều chỉnh các khoản sau:

1. Công ty CP FECON Nghi Sơn và Công ty kiểm toán thống nhất điều chỉnh loại trừ hoạt động giao dịch nội bộ giữa Công ty CP FECON Nghi Sơn và Công ty TNHH cơ khí chế tạo và bê tông FECON Nghi Sơn. Vì vậy, chỉ tiêu Doanh thu bán hàng và chỉ tiêu Chi phí bán hàng trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất thay đổi tương ứng

2. Chỉ tiêu thuế TNDN hiện hành của Công ty mẹ điều chỉnh, vì vậy trên bảng báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cũng điều chỉnh giảm tương ứng.

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ-hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu Báo cáo trước kiểm toán	Số liệu Báo cáo kiểm toán	Chênh lệch
I.Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.Lợi nhuận trước thuế	01	32.471.157.567	32.543.211.726	72.054.159
2. Điều chỉnh cho các khoản				
-Khấu hao tài sản cố định	02	38.757.849.491	39.765.512.919	1.007.663.428
-Các khoản dự phòng	03			0
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	2.129.627.219	2.064.166.362	(65.460.857)
-Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(343.937.130)	(1.942.463.609)	(1.598.526.479)
-Chi phí lãi vay	06	20.583.378.360	20.575.147.320	(8.231.040)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	93.598.075.507	93.005.574.718	(592.500.789)
-Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(134.667.546.832)	(131.508.483.529)	3.159.063.303
-Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(151.522.874.342)	(151.522.274.342)	600.000
-Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	84.506.043.169	86.122.244.227	1.616.201.058
-Tăng, giảm chi phí trả trước	12	4.517.658.560	4.517.658.560	0
-Tiền lãi vay đã trả	13	(20.583.378.360)	(20.575.147.320)	8.231.040
-Thuế TNDN đã nộp	14	(14.520.898.591)	(16.189.286.854)	(1.668.388.263)
-Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	308.030.001	308.030.001	0
-Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(5.870.291.481)	(6.041.567.728)	(171.276.247)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(144.235.182.369)	(141.883.252.267)	2.351.930.102
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(42.040.354.896)	(58.052.042.339)	(16.011.687.443)
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	39.867.845.466	784.241.136	(39.083.604.330)
4.Tiền thu hồi cho vay,bán lại các công cụ nợ	24			-
5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			-
7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	628.486.784	567.955.509	(60.531.275)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	(1.544.022.646)	(56.699.845.694)	(55.155.823.048)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	140.126.354.545	140.126.354.545	0
3.Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	322.316.137.395	398.607.011.590	76.290.874.195

4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(274.013.116.471)	(291.975.990.667)	(17.962.874.196)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(2.338.517.244)	(7.862.624.387)	(5.524.107.143)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.080.000.000)	(16.080.000.000)	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	170.010.858.225	222.814.751.081	52.803.892.856
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	24.231.653.210	24.231.653.120	21.630.235.183
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6.429.990.216	6.429.990.216	(90)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	30.661.643.426	30.661.643.336	(90)

Nguyên nhân có sự chênh lệch trên là do điều chỉnh các khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 như đã thuyết minh ở trên

4. Đính chính Số đầu năm trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014:

Do lỗi soạn thảo văn bản nên trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014 bị ảnh hưởng một chỉ tiêu trong cột “Số đầu năm”. Công ty cổ phần khoáng sản FECON xin đính chính lại chỉ tiêu như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.000.000.000

- Thuyết minh bổ sung

Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty CP FECON Nghi Sơn	-	-	500.000	5.000.000.000
Cộng	-	-	500.000	5.000.000.000

Trên đây là giải trình của Công ty về sự thay đổi số liệu trên Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON trước và sau khi kiểm toán. Công ty xin trân trọng báo cáo tới UBCK Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh và toàn thể quý cổ đông của Công ty.

Trân trọng cảm ơn!

**XÁC NHẬN CỦA
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ
THĂNG LONG – T.D.K
TỔNG GIÁM ĐỐC**



TU QUỲNH HẠNH

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



GIÁM ĐỐC

Phạm Trung Thành

Nơi nhận:

- Như Kinh gửi;
- Lưu VP